

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2019/DS-PT**

Ngày: 26/4/2019

V/v: “*Đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương
Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện
Bà Phạm Thị Xuân Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 140/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ái M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A Đường B, phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số E đường F, tổ G, khu H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số Q, phường R, quận S, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ Lý P, sinh năm 1932.

Địa chỉ: Số T, đường X, phường Y, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A1 đường B1, tổ C1, khu D1, thị trấn E1, huyện F1, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018).

2. Anh Trần Nhuận P1, sinh năm 1993.

3. Chị Trần Tú Q, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số G1 đường H1, tổ K1, khu H1, thị trấn K, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M, bà C, ông P, cụ P, anh P1 có mặt, những người khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Ái Mai trình bày:

Cụ Trần Nhuận L và cụ Lý P là vợ chồng, có 06 người con chung gồm: Trần Huê C, Trần Huê Đ, Trần Ái C, Trần Ái Y, Trần Ái N và Trần Ái M. Quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L năm 1976 cụ Trần Nhuận L chết không để lại di chúc và cụ Lý P quản lý, sử dụng, đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và được cấp đổi giấy chứng nhận số CK 805144 cho cụ Lý P ngày 28/12/2017, đến năm 2017 thì cho bà Trần Ái M và đã được UBND huyện L điều chỉnh tại trang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cụ Trần Nhuận L chết đến nay tất cả các đồng thừa kế không ai yêu cầu mở thừa kế đối với di sản cụ Trần Nhuận L để lại nên đây là tài sản hợp pháp của cụ Lý P.

Do cần mặt bằng để làm ăn, kinh doanh nên bà Trần Ái M yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C giao trả lại diện tích đất và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L và đồng ý hỗ trợ cho bà Đỗ Thị Kim C số tiền 150.000.000đ để di dời theo biên bản hòa giải tại địa phương ngày 03/4/2018 và bà Trần Ái M đã đưa cho bà Đỗ Thị Kim C số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên, bà Đỗ Thị Kim C không tiến hành giao trả tài sản cho bà Trần Ái M nên bà Mai khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Kim C phải trả lại diện tích đất 168m² (trong đó có 113,5m² được cấp giấy chứng nhận còn 54,5m² không được cấp giấy chứng nhận) và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L và buộc bà Đỗ Thị Kim C phải trả lại số tiền 100.000.000đ đã nhận của bà M vì bà M không đồng ý hỗ trợ số tiền này cho bà Đỗ Thị Kim C nữa. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bà C có bỏ tiền xây thêm mái hiên phía trước nên chỉ đồng ý thanh toán lại giá trị mái hiên theo giá chứng thư thẩm định giá. Đối với lời trình bày của đại diện bị đơn cho rằng bà C có đóng góp, cải

tạo, xây dựng thêm trong căn nhà là không có cơ sở do không có chứng cứ gì chứng minh.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim C trình bày:

Quan hệ huyết thống đúng như bà M trình bày. Nguồn gốc tài sản bà Trần Ái M đang khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C trả lại là của cha mẹ chồng bà C là cụ Trần Nhuận L và cụ Lý P để lại chưa chia thừa kế, từ khi cụ Trần Nhuận L chết đến nay, nhà đất này chưa được khai nhận di sản thừa kế, cụ Lý P không có đủ quyền sở hữu để định đoạt toàn bộ căn nhà này. Do vậy, hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất giữa cụ Lý P với bà Trần Ái M không đảm bảo tính pháp lý.

Việc bà Trần Ái M khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C phải trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L là không đúng, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này vì đây là tài sản thừa kế chưa chia theo tờ di chúc của cụ Lý P lập ngày 08/8/2003. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ái M về việc buộc bà Đỗ Thị Kim C phải trả lại số tiền 100.000.000đ thì bà C không đồng ý trả lại số tiền này bởi vì số tiền này không đủ so với số tiền bà C bỏ ra để sửa chữa lại căn nhà nói trên. Trong quá trình chung sống trong căn nhà, bà C đã bỏ ra khoảng 6 cây vàng để đầu tư, cải tạo, sửa chữa căn nhà này tuy nhiên bà C không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- cụ Lý P - trình bày:

Cụ Lý Pn và cụ Trần Nhuận L là vợ chồng, có 06 người con chung gồm Trần Huê C, Trần Huê Đ, Trần Ái C, Trần Ái N, Trần Ái Y và Trần Ái M. Quá trình chung sống, cụ và cụ L có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 168m² (trong đó có 113,5m² được cấp giấy chứng nhận còn 54,5m² không được cấp giấy chứng nhận) và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L. Năm 1976, cụ L chết không để lại di chúc và cụ Lý P là người quản lý, sử dụng tài sản từ đó đến năm 2003 thì được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Trong quá trình chung sống, bà Đỗ Thị Kim C là con dâu của cụ có thái độ cư xử không đúng mực và chiếm dụng căn nhà và đất của cụ. Cụ đã nhiều lần yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C giao trả căn nhà và đất nhưng bà C không trả. Năm 2017, cụ Lý P làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nói trên cho bà Trần Ái M và đã được Nhà nước công nhận bằng hình thức chỉnh lý trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Lý P xác định mặc dù đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng sau khi cụ Trần Nhuận L chết không để lại di chúc, kể từ thời điểm mở thừa kế đến nay không có bất cứ ai thuộc hàng thừa kế của cụ L yêu cầu chia thừa kế nên thời hiệu chia thừa kế không

còn nên tài sản này đương nhiên thuộc về cụ nên cụ có toàn quyền định đoạt, tặng cho đối với tài sản này. Năm 2003 cụ Lý P có lập tờ di chúc cho lại các con tài sản này nhưng sau đó cụ Lý P đã hủy bỏ di chúc này, mặt khác cụ chưa chết nên di chúc chưa có hiệu lực pháp luật. Nay cụ khẳng định tài sản này là của bà đã cho lại con gái là Trần Ái M đúng theo quy định của pháp luật nên bà Đỗ Thị Kim C phải trả lại tài sản này cho bà Trần Ái M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Nhuận P trình bày:

Anh là con ruột của bà Đỗ Thị Kim C và ông Trần Huê Đ, ông Đ cha anh chết năm 2017. Tài sản hiện nay bà Trần Ái M và bà Đỗ Thị Kim C đang tranh chấp là của bà nội anh để lại không phải của bà Trần Ái M. Hiện nay có mẹ anh là bà Đỗ Thị Kim C, anh và em gái là Trần Tú Q sinh sống trong căn nhà gắn liền trên đất mà bà M đang tranh chấp. Quá trình sinh sống trên diện tích đất và căn nhà này anh không có đóng góp công sức gì. Việc bà M khởi kiện yêu cầu mẹ anh trả lại tài sản là diện tích đất và căn nhà trên đất thì anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này vì đây là tài sản thừa kế của ông bà nội để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Tú Q trình bày: Chị là con ruột của bà Đỗ Thị Kim C và ông Trần Huê Đ, tài sản đang tranh chấp giữa bà M với bà C là tài sản chung của ông bà nội để lại nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Chị xác định trong quá trình sống tại căn nhà nói trên chị không có đóng góp công sức gì.

Tại bản án sơ thẩm số Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: Áp dụng Điều 105, Điều 107, Điều 115, Điều 158, Điều 159, Điều 161, Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 579, Điều 580, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ái M đối với bà Đỗ Thị Kim C về việc “Kiện đòi tài sản”.

- Buộc bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 168m² và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 11309/2018 ngày 04/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L được giới hạn bởi các mốc 1,2,3...9,10,1 (trong đó có 113,5m² được công nhận được giới hạn bởi các mốc 5,6,7,8,9,5 và 54,5m² không được công nhận được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,9,10,1). Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường

nhựa, phía Tây giáp thửa 112, phía Nam giáp thửa 112, phía Bắc giáp đường nhựa.

Bà Trần Ái M có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị mái hiên phía trước cho bà Đỗ Thị Kim C là 17.094.000đ (Giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 2789/TĐG-CT ngày 24/10/2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ).

- Buộc bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Ái M số tiền 100.000.000đ.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm bà Đỗ Thị Kim C "thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp" đối với thửa đất số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2018/QĐ-BPBD ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với bà Trần Ái M. Bà Trần Ái M được nhận lại số tiền 50.000.000đ trong tài khoản phong tỏa số 5911205205305 được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ.

Về chi phí xem xét, thẩm định giá tài sản: Chi phí xem xét tại chỗ, trích đo địa chính và định giá tài sản là 24.424.000đ bà Trần Ái Mai đã nộp. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 24.424.000đ chi phí xem xét, định giá tài sản và trích đo địa chính cho bà Trần Ái Mai.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.556.120đ. Bà Trần Ái M phải chịu 854.700đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà Trần Ái M đã nộp là 18.000.000đ theo biên lai thu số 006572 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được trừ vào số tiền án phí bà M phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Ái M số tiền tạm ứng án phí còn lại là 17.145.300đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/01/2019, bà Đỗ Thị Kim C nộp đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Việc giải quyết vụ án đúng qui định của pháp luật, có đủ căn cứ xác định nhà, đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Lý P, cụ Lý P cho bà Trần Ái

M là hoàn toàn hợp pháp. Việc bà Đỗ Thị Kim C chiếm giữ, quản lý và sử dụng tài sản trên không được sự đồng ý của bà Trần Ái M là trái với quy định của pháp luật Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ái M là đúng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà C, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bà Đỗ Thị Kim C được thực hiện đúng qui định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[3] Có đủ căn cứ xác định nguồn gốc diện tích đất 168m² và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L, tỉnh Đ là tài sản chung của cụ Trần Nhuận L và cụ Lý P. Năm 1976, cách đây hơn 40 năm, cụ Trần Nhuận L chết không để lại di chúc nên cụ Lý P quản lý, sử dụng tài sản này đến năm 2017 không ai tranh chấp, vấn đề này được tất cả các đồng thừa kế và chính bị đơn thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 khẳng định tài sản này thuộc về người quản lý di sản đó là cụ Lý P là đúng. Do vậy, cụ Lý P được quyền lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L cho bà Trần Ái M.

[4] Bà Đỗ Thị Kim C là con dâu được mẹ chồng là cụ Lý P cho ở chung nên không có quyền gì đối với khối tài sản nói trên. Bà C cho rằng có đóng góp để cải tạo, xây dựng căn nhà nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên chỉ chấp nhận phần công sức đóng góp nào được cụ Lý P và bà M thừa nhận. Cụ Lý P và bà M chỉ thừa nhận bà C có đóng góp xây dựng mái hiên phía trước và đồng ý thanh toán lại giá trị mái hiên phía trước cho bà C theo giá chứng thư thẩm định giá, Tòa sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P có cung cấp đoạn video cho thấy đại diện theo ủy quyền của bà M khi tham gia hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn L đã có thừa nhận phần hàng rào và phần nhà bếp do vợ chồng bà C bỏ tiền xây dựng, nhưng bà M và cụ Lý P không thừa nhận lời trình bày này của người đại diện, ngoài ra không còn chứng cứ nào chứng minh vấn đề này

nên không có căn cứ nào để chấp nhận trả giá trị phần hàng rào và phần nhà bếp cho bị đơn.

[5] Do bà C vi phạm cam kết ngày 03/4/2018 trả nhà cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn lại thực hiện đúng cam kết giao cho bị đơn 100 triệu đồng tiền hỗ trợ di dời. Bà C đồng ý trả lại cho bà M số tiền này, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý trả lại số tiền này cho bà M nên Tòa sơ thẩm buộc bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Ái M số tiền 100.000.000đ là đúng. Bà M khởi kiện đòi lại tài sản nhà, đất và 100 triệu đồng, bản án sơ thẩm tính án phí có giá ngạch trong vụ án đòi lại tài sản là không đúng, cần sửa về cách tính án phí thành án phí không có giá ngạch. Đồng thời, cụ Lý P đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000, cụ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và được cấp đổi giấy năm 2007 nên phải áp dụng cả những qui định tương ứng trong Luật đất đai năm 1993 và Luật đất đai năm 2003 để giải quyết vụ án.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về án phí và điều luật áp dụng. Bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Kim C, sửa bản án sơ thẩm về án phí và luật áp dụng và có sự tự nguyện của đương sự.

Áp dụng Điều 105, Điều 107, Điều 115, Điều 158, Điều 159, Điều 161, Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 579, Điều 580, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 34, Điều 36 của Luật đất đai năm 1993; Điều 123 của Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ái M đối với bà Đỗ Thị Kim C về việc “Kiện đòi tài sản”.

1. Buộc bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 168m² và căn nhà gắn liền trên đất thuộc thửa số số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 11309/2018

ngày 04/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh L được giới hạn bởi các mốc 1,2,3...9,10,1 (trong đó có 113,5m² được công nhận được giới hạn bởi các mốc 5,6,7,8,9,5 và 54,5m² không được công nhận được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,9,10,1). Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường nhựa, phía Tây giáp thửa 112, phía Nam giáp thửa 112, phía Bắc giáp đường nhựa.

2. Bà Trần Ái M có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị mái hiên phía trước, theo chứng thư thẩm định giá số 2789/TĐG-CT ngày 24/10/2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ, cho bà Đỗ Thị Kim C là 17.094.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ái M hỗ trợ bà Đỗ Thị Kim C và các con số tiền 32.906.000 đồng.

3. Buộc bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Ái M số tiền 100.000.000đ.

4. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm bà Đỗ Thị Kim C "thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp" đối với thửa đất số A tờ bản đồ số B thị trấn K, huyện L theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2018/QĐ-BPBD ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đối với bà Trần Ái M. Bà Trần Ái Mai được nhận lại số tiền 50.000.000đ trong tài khoản phong tỏa số 5911205205305 được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định giá tài sản: Chi phí xem xét tại chỗ, trích đo địa chính và định giá tài sản là 24.424.000đ bà Trần Ái M đã nộp. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 24.424.000đ chi phí xem xét, định giá tài sản và trích đo địa chính cho bà Trần Ái M.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 1152 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bà Trần Ái M phải chịu 854.700đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà Trần Ái M đã nộp là 18.000.000đ theo biên lai thu số 006572 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L được trừ vào số tiền án phí bà Mai phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Ái M số tiền tạm ứng án phí còn lại là 17.145.300đ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương